TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/DS-ST
Ngày: 06 - 01- 2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Anh;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trà My, cán bộ Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1126/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 831/2024/QĐXXST-DS ngày 21/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 645/2024/QĐST-DS ngày 12/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: 266 – 268 N, phường V, Quận X, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thành N

Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Võ Văn N; Sinh năm: 1972

Địa chỉ thường trú: 507/23 Hương Lộ Z, phường B, quận B, Thành phố H.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bản tự khai của đại diện nguyên đơn tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) là nguyên đơn có ông Nguyễn Thành N làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 12/12/2019, ông N có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.77%/tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 950.960.728 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 928.350.583 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/03/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 32.142.619 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 06/01/2025, ông N còn nợ các khoản sau (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong sao kê tóm tắt đính kèm) gồm: Nợ gốc: 32.142.619 đồng; Lãi quá hạn: 29.161.168 đồng; tổng cộng: 61.303.787 đồng (Sáu mươi mốt triệu ba trăm linh ba nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng)

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 32.142.619 đồng với lãi suất quá hạn là 4.155%/tháng (2.77% x 150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông N, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông N vẫn

chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn ông Võ Văn N

Buộc ông Võ Văn N phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/01/2025 là 61.303.787 đồng (Sáu mươi mốt triệu ba trăm linh ba nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng) trong đó: nợ gốc 32.142.619 đồng; lãi quá hạn 29.161.168 đồng. Ông N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 07/01/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Vụ án không không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận B phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng của ông Võ Văn N đã ký với Ngân hàng S về việc mở và sử dụng thẻ tín dụng, có cơ sở xác định ông N còn dư nợ gốc tại Ngân hàng S với số tiền 32.142.619 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông N đã không thanh toán từ ngày 23/03/2023 cho đến nay. Số tiền ông N chưa thanh toán cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 06/01/2025 là 61.303.787 đồng (Sáu mươi mốt triệu ba trăm linh ba nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng), trong đó: nợ gốc 32.142.619 đồng; lãi quá hạn 29.161.168 đồng.

Nhận thấy ông N vay nợ ngân hàng nhưng không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng mà ông N đã ký với Ngân hàng S. Do đó, căn cứ Điều 463, Điều 465 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Võ Văn N là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn ông Võ Văn N có nơi cư trú tại 507/23 Hương Lộ Z, phường B, quận B, Thành phố H. Do đó vụ kiện thuộc thẩm giải quyết của Toà án nhân dân quận B theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Võ Văn N vắng mặt không có lý do, căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Mặc dù, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Võ Văn N đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Có nghĩa là, bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".* Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án

[4] Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Võ Văn N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S số tiền tạm tính đến ngày 06/01/2025 là 61.303.787 đồng (Sáu mươi mốt triệu ba trăm linh ba nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng), trong đó bao gồm: nợ gốc 32.142.619 đồng; lãi quá hạn 29.161.168 đồng và yêu cầu ông Võ Văn N phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 07/01/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 12/12/2019, Ngân hàng đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng cho ông Võ Văn N, chi tiết như sau: Loại thẻ: Thẻ tín dụng Visa Gold; Hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng. Lãi suất, phí theo Biểu phí và Bản chấp nhận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng S từng thời kỳ. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 12/12/2019 của ông Võ Văn N đã ký với Ngân hàng S về việc mở và sử dụng thẻ tín dụng, có cơ sở xác định Ngân hàng đã cho ông N vay tiền.

Việc hai bên giao kết hợp đồng này có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng 2010, Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Hai bên hoàn toàn tự nguyện giao kết hợp đồng nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông N đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 950.960.728 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 928.350.583 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/03/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 32.142.619 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Võ Văn N trả ngay cho Ngân hàng S (tạm tính đến ngày 06/01/2025 là 61.303.787 đồng (Sáu mươi mốt triệu ba trăm linh ba nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng), trong đó: nợ gốc 32.142.619 đồng; lãi quá hạn 29.161.168 đồng và yêu cầu ông Võ Văn N phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 07/01/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ theo thỏa thuận giữa hai bên và cũng phù hợp với khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 21 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam "*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng"*. Do bị đơn đã vi phạm thời hạn thanh toán từ năm 2023 đến nay nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền gốc lãi và các loại phí ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, bị đơn phải tiếp tục trả phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 07/01/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP S.

[5] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố H thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện

Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu được chấp nhận nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải nộp án phí, hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Võ Văn N phải nộp án phí tính trên số tiền 61.303.787 đồng phải trả cho ngân hàng, án phí được tính là: 3.065.189 đồng (ba triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm tám mươi chín đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 20, Điều 21 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với ông Võ Văn N về việc yêu cầu trả số tiền nợ phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 12/12/2019.

2. Buộc ông Võ Văn N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 06/01/2025 là 61.303.787 đồng (sáu mươi mốt triệu ba trăm linh ba nghìn bảy trăm tám mươi bảy đồng), trong đó: nợ gốc 32.142.619 đồng (ba mươi hai triệu một trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm mười chín đồng); lãi quá hạn: 29.161.168 đồng (hai mươi chín triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn một trăm sáu mươi tám đồng); trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Đồng thời, ông Võ Văn N có trách nhiệm tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 07/01/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 1.113.625 đồng (một triệu một trăm mười ba nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0033271 ngày 29/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố H.

Ông Võ Văn N phải nộp 3.065.189 đồng (ba triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm tám mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Linh